ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

KHOA LUẬT

TRẦN THỊ THANH THÚY

CHẾ ĐỊNH MIỄN CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

Chuyên ngành **: Luật hình sự**

Mã số **: 60 38 40**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2012

Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học**: TS. Đỗ Thị Phượng**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2012.

Có thể tìm hiểu luận văn
tại Trung tâm tư liệu - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa
Lời cam đoan
Mục lục
Danh mục các bảng
MỞ ĐẦU
Ch- ơng 1: **MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHẾ ĐỊNH MIỄN CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

1.1. Khái niệm và các đặc điểm cơ bản của miễn chấp hành hình phạt
1.1.1. Khái niệm miễn chấp hành hình phạt 7
1.1.2. Các đặc điểm cơ bản của chế định miễn chấp hành hình phạt 10
1.1.3. Phân biệt miễn chấp hành hình phạt với miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt 12
1.2. Sơ l- ợc sự hình thành và phát triển của các quy phạm về miễn chấp hành hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 cho đến tr- ớc khi có Bộ luật hình sự năm 1999 19
1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến tr- ớc khi có Bộ luật hình sự năm 1985 19
1.2.2. Giai đoạn từ sau khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 cho đến tr- ớc khi có Bộ luật hình sự năm 1999 22
1.3. Các quy định về miễn chấp hành hình phạt trong pháp luật hình sự một số n- ớc trong khu vực ASEAN 24
1.3.1. Các quy định về chế định miễn chấp hành hình phạt trong luật hình sự Thái Lan 25
1.3.2. Các quy định về chế định miễn chấp hành hình phạt trong luật hình sự Philíppin 28
1.3.3. Các quy định về chế định miễn chấp hành hình phạt trong luật hình sự Malaixia 30
1.3.4. Các quy định về chế định miễn chấp hành hình phạt trong luật hình sự Inđônêxia 32
Ch- ơng 2: **QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CHẾ ĐỊNH MIỄN CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG** 37
2.1. Quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành về chế định miễn chấp hành hình phạt 37
2.1.1. Các tr- ờng hợp miễn chấp hành hình phạt 37
2.1.1.1. Đối với ng- ời bị kết án cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, ch- a chấp hành hình phạt mà lập công lớn hoặc mắc bệnh hiểm nghèo và nếu ng- ời đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, thì theo đề nghị của Viện tr- ởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành toàn bộ hình phạt 37
2.1.1.2. Ng- ời bị kết án đ- ợc miễn chấp hành hình phạt khi đ- ợc đặc xá hoặc đại xá 42
2.1.1.3. Đối với ng- ời bị kết án về tội ít nghiêm trọng đã đ- ợc hoãn chấp hành hình phạt theo quy định tại Điều 61 của Bộ luật này, nếu trong thời gian đ- ợc hoãn đã lập công, thì theo đề nghị của Viện tr- ởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành hình phạt 44
2.1.1.4. Đối với ng- ời bị kết án phạt tù về tội ít nghiêm trọng đã đ- ợc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt theo quy định tại Điều 62 của Bộ luật này, nếu trong thời gian đ- ợc tạm đình chỉ mà đã lập công, thì theo đề nghị của Viện tr- ởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại 48
2.1.1.5. Ng- ời bị phạt cấm c- trú hoặc quản chế, nếu đã chấp hành đ- ợc một phần hai thời hạn hình phạt và cải tạo tốt, thì theo đề nghị của chính quyền địa ph- ơng nơi ng- ời đó chấp hành hình phạt, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại 49
2.1.1.6. Đối với ng- ời bị áp dụng hình phạt tiền 51
2.1.2. Thẩm quyền, thủ tục và hậu quả pháp lý của việc áp dụng chế định miễn chấp hành hình phạt 53
2.2. Thực tiễn áp dụng chế định miễn chấp hành hình phạt 57
2.2.1. Những kết quả đạt đ- ợc và nguyên nhân 57
2.2.1.1. Những kết quả đạt đ- ợc 57
2.2.1.2. Nguyên nhân của những kết quả đạt đ- ợc 71
2.2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân 74
2.2.2.1. Những tồn tại, hạn chế 74
2.2.2.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế 75
Ch- ơng 3: **NHỮNG PH□ƠNG H□ỚNG CƠ BẢN VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ MIỄN CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT** 80
3.1. Những ph- ơng h- ớng cơ bản 80
3.1.1. Thực hiện nghiêm chỉnh chính sách hình sự của Đảng và Nhà n- ớc 82
3.1.2. Thể hiện sự phân hóa trong xử lý tội phạm và ng- ời phạm tội 84
3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về miễn chấp hành hình phạt 86
3.2.1. Hoàn thiện Bộ luật hình sự 86
3.2.2. Các giải pháp khác 91
KẾT LUẬN 100

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 102

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi x- ớng và lãnh đạo qua hai m- ơi lăm năm đã thu đ- ợc những thành tựu quan trọng. Nền kinh tế đã v- ợt qua thời kỳ suy giảm, đã phát triển với tốc độ khá cao. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng an ninh đ- ợc giữ vững và ngày càng đ- ợc tăng c- ờng, quan hệ đối ngoại ngày càng phát triển và đạt đ- ợc những thành tựu quan trọng, đời sống nhân dân từng b- ớc đ- ợc cải thiện, các vấn đề xã hội đ- ợc quan tâm giải quyết. Tuy nhiên, bên cạnh sự phát triển của các mặt trên thì nhiều tệ nạn xã hội đã nảy sinh từ những tác động của mặt trái xã hội hiện đại trong đó có tình trạng vi phạm pháp luật hoặc phạm tội, điều đó đòi hỏi Nhà n- ớc và xã hội phải quan tâm giải quyết.

Trong công cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm, hình phạt với t- cách là biện pháp c- ỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà n- ớc nhằm t- ớc bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích hợp pháp của ng- ời phạm tội có vai trò rất quan trọng, đồng thời hình phạt mang lại những hiệu quả nhất định không những trong việc trừng trị ng- ời phạm tội mà còn có ý nghĩa to lớn trong vấn đề cải tạo ng- ời phạm tội trở thành ng- ời có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới và đồng thời giáo dục ng- ời khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng và chống tội phạm. Đây cũng là mục đích cơ bản của hình phạt đ- ợc quy định tại Điều 27 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, không phải lúc nào hình phạt cũng đ- ợc đem ra để áp dụng đối với ng- ời đã thực hiện hành vi phạm tội hoặc mỗi ng- ời phạm tội lúc nào cũng phải thực hiện toàn bộ hình phạt theo nh- quyết định của Tòa án. Miễn chấp hành hình phạt thể hiện quan điểm nhân đạo trong chính sách hình sự của Đảng và Nhà n- ớc ta đối với ng- ời phạm tội và hành vi do họ thực hiện, đồng thời nhằm động viên, khuyến khích ng- ời phạm tội lập công chuộc tội, chứng tỏ khả năng tự giáo dục, cải tạo nhanh chóng

và tạo điều kiện cho họ sớm hòa nhập với cộng đồng, trở thành ng- ời có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự cho thấy những quy phạm của chế định này còn nhiều bất cập, một số quy định ch- a chặt chẽ và thống nhất về nội dung, đặc biệt trong thực tiễn đời sống xã hội và thực tiễn pháp lý đang tồn tại nhiều tr- ờng hợp có thể áp dụng chế định miễn chấp hành hình phạt nh- ng lại ch- a đ- ợc nhà làm luật Việt Nam ghi nhận và quy định trong Bộ luật hình sự.

Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu sâu sắc hơn nữa để làm sáng tỏ về mặt khoa học những vấn đề về miễn chấp hành hình phạt và áp dụng các quy định về miễn chấp hành hình phạt trong thực tiễn, đồng thời đ- a ra những giải pháp hoàn thiện để góp phần nâng cao hiệu quả của các quy định đã nêu không những có ý nghĩa về cả mặt *lý luận và thực tiễn*, mà còn là vấn đề mang tính cấp thiết. Đây chính là lý do luận chứng cho việc tôi quyết định lựa chọn đề tài "***Chế định miễn chấp hành hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam***" làm đề tài luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Là một trong những chế định quan trọng, chế định miễn chấp hành hình phạt có liên quan mật thiết và chặt chẽ đến chế định hình phạt và nhiều chế định khác trong Luật hình sự, tuy nhiên, vấn đề miễn chấp hành hình phạt mới chỉ đ- ợc quy định một cách hết sức chung chung và chỉ một số n- ớc quy định miễn chấp hành hình phạt thành một ch- ơng riêng và coi đó là một chế định quan trọng ngang tầm với các chế định khác nh- tội phạm và hình phạt.

Còn ở n- ớc ta, miễn chấp hành hình phạt cũng mới chỉ đ- ợc quy định trực tiếp hoặc gián tiếp tại một số điều luật riêng lẻ trong Bộ luật hình sự, ch- a đ- ợc ghi nhận tại một ch- ơng riêng nh- các chế định khác về tội phạm, hình phạt.

Chế định miễn chấp hành hình phạt đ- ợc đề cập, phân tích trong một số Giáo trình và sách tham khảo nh- : 1) *Giáo trình Luật hình sự Việt*

Nam (Phần chung), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997; 2) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Tập thể tác giả do TSKH. Lê Cảm chủ biên, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001 và 2003 (tái bản lần thứ nhất); 3) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Tập I, Tập thể tác giả do GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2007; 4) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Tập thể tác giả do PGS.TS. Võ Khánh Vinh chủ biên, Đại học Huế, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2000; 5) *Trách nhiệm hình sự và hình phạt*, Tập thể tác giả do PGS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2001; 6) *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999 - Phần chung*, của ThS. Đinh Văn Quế, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2000) v.v... Các bài nghiên cứu trên đã nhận diện và làm sáng tỏ một số vấn đề về khái niệm, đặc tr- ng, căn cứ áp dụng và thẩm quyền áp dụng chế định miễn chấp hành hình phạt trong Bộ luật hình sự năm 1999 và có những đề xuất, giải pháp để ngày càng hoàn thiện chế định trên, đảm bảo quan điểm trừng trị kết hợp với giáo dục ng- ời phạm tội để họ sớm hòa nhập với cộng đồng, trở thành ng- ời có ích.

Tuy nhiên, nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn xung quanh chế định miễn chấp hành hình phạt cũng đòi hỏi các nhà khoa học cần phải đ- ợc tiếp tục nghiên cứu một cách toàn diện, chuyên khảo và sâu sắc hơn.

3. Phạm vi nghiên cứu

Miễn chấp hành hình phạt là một chế định phức tạp, có nhiều nội dung liên quan đến các chế định khác trong Bộ luật hình sự nh- : hình phạt, trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt; v.v... Bởi vậy, phạm vi nghiên cứu của luận văn chỉ xem xét và giải quyết một số vấn đề xung quanh chế định miễn chấp hành hình phạt nh- :

- Khái niệm, bản chất pháp lý và các đặc điểm cơ bản của miễn chấp hành hình phạt;

- Lịch sử hình thành và phát triển của các quy phạm về chế định miễn chấp hành hình phạt trong pháp luật hình sự Việt Nam;

- Các quy định về miễn chấp hành hình phạt trong pháp luật hình sự một số n- ớc trên thế giới;

- Nội dung và điều kiện áp dụng những tr- ờng hợp miễn chấp hành hình phạt trong Bộ luật hình sự năm 1999 (đ- ợc sửa đổi bổ sung năm 2009) hiện hành, kết hợp với thực tiễn áp dụng.

Ngoài ra, trên cơ sở nghiên cứu nội dung cơ bản của chế định miễn chấp hành hình phạt, tác giả của luận văn đi sâu nghiên cứu chế định miễn chấp hành hình phạt trên ph- ơng diện (khía cạnh) lập pháp và việc áp dụng chế định này trong thực tiễn, đ- a ra các giải pháp hoàn thiện các quy phạm của chế định này trong pháp luật hình sự Việt Nam.

4. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích của luận văn là nghiên cứu toàn diện, có hệ thống những vấn đề về lập pháp, lý luận và thực tiễn đối với chế định miễn chấp hành hình phạt trong luật hình sự Việt Nam. Trên cơ sở đó, dựa vào quan điểm và định h- ớng của Đảng và Nhà n- ớc, nhất là chính sách hình sự về đấu tranh phòng chống tội phạm, cải tạo - giáo dục ng- ời phạm tội, luận văn làm sáng tỏ cơ sở lý luận, nội dung đổi mới đối với chế định này từ yêu cầu thực tiễn của đất n- ớc trong giai đoạn hiện nay.

Với phạm vi nghiên cứu nêu trên trong luận văn này, tác giả tập trung vào giải quyết những nhiệm vụ chính nh- sau:

1) Phân tích và xây dựng định nghĩa khoa học của khái niệm miễn chấp hành hình phạt, nghiên cứu và phân tích các đặc điểm cơ bản của miễn chấp hành hình phạt và so sánh nó với miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

2) Khái quát sự hình thành và phát triển của các quy phạm về miễn chấp hành hình phạt trong pháp luật hình sự Việt Nam.

3) Phân tích nội dung, điều kiện áp dụng những tr- ờng hợp miễn chấp hành hình phạt theo các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 (đ- ợc sửa đổi bổ sung năm 2009) hiện hành và thực tiễn áp dụng các quy

định này. Từ đây phân tích một số tồn tại xung quanh việc quy định và áp dụng chế định miễn chấp hành hình phạt.

4) Luận chứng cho sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về miễn chấp hành hình phạt, những ph- ơng h- ớng cơ bản của việc hoàn thiện và từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện chế định miễn chấp hành hình phạt trong Bộ luật hình sự năm 1999 (đ- ợc sửa đổi bổ sung năm 2009), đồng thời đ- a ra mô hình lý luận với sự bổ sung một số tr- ờng hợp miễn chấp hành hình phạt cần phải đ- ợc nhà làm luật n- ớc ta ghi nhận trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành.

5. Cơ sở lý luận và ph□ơng pháp nghiên cứu

Đề tài đ- ợc nghiên cứu trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, t- t- ởng Hồ Chí Minh và quan điểm, định h- ớng của Đảng về chính sách hình sự; quan điểm, đ- ờng lối áp dụng đối với ng- ời phạm tội tr- ớc yêu cầu đổi mới của đất n- ớc.

Để đạt đ- ợc những mục đích đã đặt ra trên cơ sở lý luận là phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận văn đã sử dụng một số ph- ơng pháp nghiên cứu nh- : ph- ơng pháp so sánh, phân tích tài liệu, nghiên cứu lịch sử, tổng hợp.

6. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn và điểm mới về khoa học của luận văn

□ nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng của luận văn là ở chỗ tác giả đã làm rõ khái niệm, bản chất pháp lý và các đặc điểm cơ bản của miễn chấp hành hình phạt, nội dung và điều kiện áp dụng các tr- ờng hợp miễn chấp hành hình phạt trên cơ sở xem xét những quy định của pháp luật hình sự hiện hành, đồng thời đ- a ra các kiến nghị hoàn thiện các quy phạm của chế định này ở khía cạnh lập pháp và việc áp dụng chúng trong thực tiễn.

Đặc biệt, để góp phần *nhân đạo hóa* hơn nữa chính sách hình sự của Nhà n- ớc ta và để phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn xét xử và pháp luật hình sự các n- ớc, tác giả luận văn kiến nghị bổ sung những tr- ờng

hợp có thể áp dụng miễn chấp hành hình phạt ch- a đ- ợc nhà làm luật n- ớc ta quy định trong Bộ luật hình sự.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 ch- ơng:

Ch- ơng 1: Một số vấn đề chung về chế định miễn chấp hành hình phạt trong luật hình sự Việt Nam.

Ch- ơng 2: Quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành về chế định miễn chấp hành hình phạt và thực tiễn áp dụng.

Ch- ơng 3: Những ph- ơng h- ớng cơ bản và một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về miễn chấp hành hình phạt.

Chương 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHẾ ĐỊNH MIỄN CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm và các đặc điểm cơ bản của miễn chấp hành hình phạt

1.1.1. Khái niệm miễn chấp hành hình phạt

Trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc những điểm hợp lý trong các khái niệm về chế định miễn chấp hành hình phạt và những vấn đề đã đ- ợc thực tiễn áp dụng pháp luật kiểm nghiệm, có thể rút ra định nghĩa khoa học về chế định miễn chấp hành hình phạt nh- sau: *miễn chấp hành hình phạt là việc hủy bỏ toàn bộ hoặc phần còn lại của hình phạt đã đ- ợc Tòa án tuyên có hiệu lực đối với ng- ời bị kết án".*

1.1.2. Các đặc điểm cơ bản của chế định miễn chấp hành hình phạt

Đặc điểm thứ nhất: miễn chấp hành hình phạt phản ánh nguyên tắc nhân đạo của chính sách hình sự nói chung và của luật Hình sự, cũng nh- luật Thi hành án hình sự Việt Nam nói riêng.

Đặc điểm thứ hai: chúng đều chỉ có thể đ- ợc áp dụng đối với ng- ời bị kết án trong mỗi tr- ờng hợp cụ thể t- ơng ứng.

Đặc điểm thứ ba: chúng không thể đ- ợc áp dụng một cách tùy tiện mà chỉ có thể đ- ợc áp dụng khi có các căn cứ và những điều kiện nhất định do PLHS quy định

1.1.3. Phân biệt miễn chấp hành hình phạt với miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt

Phân biệt miễn chấp hành hình phạt với miễn trách nhiệm hình sự

Phân biệt miễn chấp hành hình phạt với miễn hình phạt

1.2. Sơ l□ợc sự hình thành và phát triển của các quy phạm về miễn chấp hành hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 cho đến tr□ớc khi có bộ luật hình sự năm 1999

1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến tr□ớc khi có Bộ luật hình sự năm 1985

Trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, từ tháng 9 năm 1945 đến tháng 5 năm 1954, nhằm "bảo vệ nền độc lập, bảo vệ nền kinh tế, tài chính mới", ngày 20 tháng 10 năm 1945, Nhà n- ớc ta đã ban hành Sắc lệnh đại xá, theo đó đại xá cho tuyệt đại đa số án đ- ợc tuyên trong thời kỳ Pháp thuộc.

Sau đó ngày 12 tháng 10 năm 1954, nhân dịp giải phóng thủ đô, Nhà n- ớc ta đã quyết định đại xá đối với những ng- ời đã lầm đ- ờng lạc lối, tích cực sửa chữa lỗi lầm. Đặc biệt, Sắc lệnh số 218 ngày 01 tháng 10 năm 1954 quy định kể từ ngày Sắc lệnh này có hiệu lực pháp luật, không trừng phạt những ng- ời hợp tác với đối ph- ơng trong thời gian chiến tranh và cho họ h- ởng quyền tự do dân chủ còn những ng- ời đã bị xử phạt đều đ- ợc thả và đ- ợc h- ởng quyền tự do dân chủ.

Trong giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1975, để thực hiện hai nhiệm vụ chiến l- ợc: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam nhằm thống nhất đất n- ớc, Nhà

n- ớc ta đã ban hành hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật hình sự thể hiện rõ quan điểm phân hóa trong đ- ờng lối xử lý hình sự đối với tội phạm và ng- ời phạm tội nh- : Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng, Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa…

Trong giai đoạn từ năm 1975 đến năm 1985, chính sách hình sự của nhà n- ớc ta thể hiện trong các văn bản quy phạm pháp luật hình sự đ- ợc ban hành trong giai đoạn này đặc biệt là trong Pháp lệnh của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội và Pháp lệnh ngày 30 tháng 6 năm 1982 của Hội đồng Nhà n- ớc trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép.

Về cơ bản pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn này cũng có những b- ớc tiến bộ cả về công tác lập pháp lẫn t- t- ởng pháp luật đặc biệt là chính sách nhân đạo của của Đảng và Nhà n- ớc đối với những ng- ời phạm tội. Tuy nhiên, những chính sách hình sự trong giai đoạn này đ- ợc ban hành chủ yếu để giải quyết vấn đề "tình thế" mà ch- a phải là chuẩn chung để áp dụng lâu dài, phục vụ cho quá trình xây dựng Nhà n- ớc kiểu mới. Do đó, yêu cầu cấp thiết đặt ra trong thời kỳ này là phải xây dựng Bộ luật hình sự cho phù hợp với quá trình xây dựng và sự phát triển đất n- ớc.

1.2.2. Giai đoạn từ sau khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 cho đến tr□ớc khi có Bộ luật hình sự năm 1999

Bộ luật hình sự đầu tiên của n- ớc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời đánh dấu một b- ớc phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam nói chung cũng nh- các quy định về chế định miễn chấp hành hình phạt nói riêng. Điểm nổi bật của Bộ luật hình sự năm 1985 thể hiện đ- ợc chính sách nhân đạo trong Bộ luật hình sự chính là các quy định về miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt (Điều 48), giảm thời hạn chấp hành hình phạt chính (Điều 49), giảm thời hạn và miễn việc chấp hành hình phạt trong tr- ờng hợp đặc biệt (Điều 51). Các quy định này cụ thể hóa các tr- ờng hợp đ- ợc miễn chấp hành hình phạt và theo h- ớng mở rộng

hơn cho phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới. Việc quy định về chế định miễn chấp hành hình phạt trong Bộ luật hình sự năm 1985 là một b- ớc tiến mới trong quá trình phát triển của pháp luật nói chung và của chế định miễn chấp hành hình phạt nói riêng; đã tạo ra một quy định chung, thống nhất cho tất cả các tr- ờng hợp đ- ợc h- ởng chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà n- ớc. Việc miễn chấp hành hình phạt trên đây là nhằm tạo điều kiện cho những ng- ời phạm tội đ- ợc h- ởng sự khoan hồng của Luật hình sự đối với họ, thông qua đó giúp họ tự cải tạo giáo dục, nhanh chóng trở thành ng- ời l- ơng thiện, có ích cho xã hội, không phạm tội mới mặt khác vẫn thể hiện đ- ợc mục đích của hình phạt đối với những ng- ời vi phạm pháp luật hình sự. Bộ luật hình sự năm 1985 thể hiện trình độ nhận thức khoa học cao hơn về vai trò của luật hình sự, của các ph- ơng tiện và ph- ơng pháp tác động tội phạm trong giai đoạn cách mạng nhất định, thể hiện đ- ợc chính sách nhân đạo trong của Nhà n- ớc trong việc xử lý ng- ời phạm tội

Tuy nhiên, do ra đời trong tình hình kinh tế - xã hội trong n- ớc và quốc tế có nhiều điểm khác biệt căn bản so với những năm cuối thế kỷ XX, cho nên mặc dù đã đ- ợc sửa đổi bổ sung nh- ng Bộ luật hình sự 1985 vẫn không đáp ứng đ- ợc yêu cầu của cuộc đấu tranh, phòng ngừa và phòng chống tội phạm trong điều kiện đổi mới. Vì vậy sự ra đời của Bộ luật hình sự năm 1999 thể hiện ở mức độ cao hơn, toàn diện hơn, đầy đủ hơn các yêu cầu của việc duy trì ổn định trật tự xã hội của Luật hình sự và cả yêu cầu về việc hoàn thiện xu h- ớng nhân đạo trong Luật hình sự nói riêng và pháp luật Việt Nam nói chung.

1.3. Các quy định về miễn chấp hành hình phạt trong pháp luật hình sự một số n□ớc trong khu vực ASEAN

Các quy định về chế định miễn chấp hành hình phạt trong pháp luật hình sự Thái Lan

Các quy định về chế định miễn chấp hành hình phạt trong pháp luật hình sự Philíppin.

Các quy định về chế định miễn chấp hành hình phạt trong pháp luật hình sự Malaixia.

Các quy định về chế định miễn chấp hành hình phạt trong pháp luật hình sự Inđônêxia.

Ch□ơng 2

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CHẾ ĐỊNH MIỄN CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. Quy định của bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành về chế định miễn chấp hành hình phạt

2.1.1. Các tr□ờng hợp miễn chấp hành hình phạt

a) Đối với ng- ời bị kết án cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, ch- a chấp hành hình phạt mà lập công lớn hoặc mắc bệnh hiểm nghèo và nếu ng- ời đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, thì theo đề nghị của Viện tr- ởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành toàn bộ hình phạt

b) Ng- ời bị kết án đ- ợc miễn chấp hành hình phạt khi đ- ợc đặc xá hoặc đại xá

c) Đối với ng- ời bị kết án về tội ít nghiêm trọng đã đ- ợc hoãn chấp hành hình phạt theo quy định tại Điều 61 của Bộ luật này, nếu trong thời gian đ- ợc hoãn đã lập công, thì theo đề nghị của Viện tr- ởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành hình phạt

d) Đối với ng- ời bị kết án phạt tù về tội ít nghiêm trọng đã đ- ợc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt theo quy định tại Điều 62 của Bộ luật này, nếu trong thời gian đ- ợc tạm đình chỉ mà đã lập công, thì theo đề nghị của Viện tr- ởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại

e, Ng- ời bị phạt cấm c- trú hoặc quản chế, nếu đã chấp hành đ- ợc một phần hai thời hạn hình phạt và cải tạo tốt, thì theo đề nghị của chính quyền địa ph- ơng nơi ng- ời đó chấp hành hình phạt, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại

g, Đối với ng- ời bị áp dụng hình phạt tiền

2.1.2. Thẩm quyền, thủ tục và hậu quả pháp lý của việc áp dụng chế định miễn chấp hành hình phạt

Thứ nhất, về thẩm quyền áp dụng

Tòa án có thẩm quyền quyết định miễn chấp hành hình phạt tù là Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu nơi ng- ời bị kết án c- trú hoặc làm việc.

Việc miễn chấp hành hình phạt khác thuộc thẩm quyền quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án quân sự khu vực nơi ng- ời bị kết án chấp hành hình phạt hoặc chịu thử thách.

Thứ hai, về thủ tục áp dụng

Ng- ời ch- a chấp hành hình phạt có đủ điều kiện nói trên thì phải làm đơn gửi đến Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh nơi họ c- trú (nếu là quân nhân thì gửi cho Viện kiểm sát quân sự), kèm theo giấy xác nhận về việc đã lập công lớn (của chính quyền xã, ph- ờng, thị trấn, cơ quan tổ chức, đơn vị quân đội) hoặc mắc bệnh hiểm nghèo (có kết luận của hội đồng giám định y khoa).

Hồ sơ đề nghị xét miễn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, miễn chấp hành toàn bộ hoặc phần hình phạt tù còn lại, miễn chấp hành phần tiền phạt còn lại phải có đề nghị của Viện tr- ởng Viện kiểm sát cùng cấp; Bản sao bản án có hiệu lực pháp luật.

Thứ ba, về hậu quả của việc áp dụng chế định miễn chấp hành hình phạt

Một là, về hậu quả pháp lý hình sự: ng- ời đ- ợc miễn chấp hành hình phạt vẫn phải chịu các hậu quả pháp lý bất lợi của việc phạm tội nh- : bị truy cứu trách nhiệm hình sự; bị kết tội; vẫn phải chịu hình phạt hoặc

biện pháp c- ỡng chế về hình sự khác và vẫn bị coi là có án tích và chỉ đ- ợc xóa án tích theo quy định tại các Điều 64 đến Điều 67 Bộ luật hình sự và vẫn có thể bị áp dụng biện pháp t- pháp đ- ợc quy định trong Bộ luật hình sự quy định tại Điều 41 đến Điều 43. So với chế định miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt thì ng- ời đ- ợc miễn chấp hành hình phạt phải chịu hậu quả pháp lý nhiều hơn hay có thể nói tính trấn áp về mặt hình sự của chế định miễn chấp hành hình phạt là nghiêm khắc hơn so với chế định miễn trách nhiệm hình sự hay miễn hình phạt.

Hai là, về hậu quả xã hội - pháp lý: ng- ời đ- ợc miễn chấp hành hình phạt phải gánh chịu hậu quả xã hội - pháp lý nhất định. Về mặt xã hội ng- ời đ- ợc miễn chấp hành hình phạt bị Nhà n- ớc, xã hội và d- luận lên án về hành vi phạm tội; do đó ng- ời đ- ợc miễn chấp hành hình phạt cũng bị sự tác động, ảnh h- ởng đến tâm lý, tinh thần và danh dự hoặc rộng hơn là vị thế của họ tr- ớc cơ quan, đơn vị, tổ chức và cộng đồng dân c- .

2.2. Thực tiễn áp dụng chế định miễn chấp hành hình phạt

2.2.1. Những kết quả đạt đ□ợc và nguyên nhân

Thứ nhất, số vụ án và số bị can thụ lý mới hàng năm nhiều nhất là năm 2008 và năm 2009 và sau đó có xu h- ớng giảm vào năm 2010 nh- ng lại tăng vào năm 2011. Cũng t- ơng tự nh- vậy số bị cáo đ- ợc đ- a ra xét xử có xu h- ớng tăng trong hầu hết các năm, chỉ có năm 2010 là số bị cáo đ- ợc đ- a ra xét xử có xu h- ớng giảm nh- ng sau đó tới năm 2011 lại tăng đột biến (tăng hơn 10000 bị cáo so với năm 2010). Điều đó cho thấy tình hình tội phạm hiện nay đang diễn biến hết sức phức tạp với xu h- ớng chung là tăng đều qua từng năm. Cũng phù hợp với tỷ lệ bị cáo đ- ợc đ- a ra xét xử, số vụ án đ- ợc đ- a ra xét xử vào năm 2010 cũng là ít nhất. Tình hình này cho thấy tội phạm có diễn biến phức tạp, không hoàn toàn tăng mà cũng không có xu h- ớng giảm trong cả giai đoạn mà cũng có lúc tăng nhanh nh- ng có lúc giảm; ngoài ra cũng có thể do các cơ quan bảo vệ pháp luật đã làm tốt công tác phòng chống tội phạm, không để ng- ời phạm tội có cơ hội thực hiện hành vi phạm tội.

Thứ hai, nếu so sánh số vụ án và bị cáo mà Tòa án thụ lý với số vụ án và bị cáo Tòa án đ- a ra xét xử thì có thể thấy còn rất nhiều án tồn đọng. Cụ thể năm 2007 cả các vụ án cũ còn lại và thụ lý mới là 61.813 vụ án với 107.696 bị cáo, trong khi đó số vụ án đ- a ra xét xử là 55.299 vụ với 92.260 bị cáo (6.514 vụ và 15.436 bị cáo ch- a đ- ợc xét xử); t- ơng tự nh- vậy vào năm 2008 còn 5.454 vụ và 12.699 bị cáo; năm 2009 còn 8.255 vụ và 18.593 bị cáo; năm 2010 còn 5.527 vụ và 12.950 bị cáo; năm 2011 còn 5.410 vụ và 13.393 bị cáo ch- a đ- ợc đ- a ra xét xử. Các số liệu trên cho thấy cho thấy việc xét xử ở các cấp Tòa án còn ch- a khẩn tr- ơng, kịp thời và trên thực tế cũng có nhiều vụ án để quá thời hạn xét xử của Bộ luật tố tụng hình sự.

Thứ ba, tỷ lệ bị cáo khi thụ lý và tỷ lệ bị cáo khi đã xét xử đều thấy bình quân số bị cáo trên một vụ án có xu h- ớng ngày càng tăng. Ví dụ năm 2007 và năm 2008 số bị cáo Tòa án thụ lý trung bình khoảng 1.74 bị cáo/ 1 vụ án thì đến năm 2011 đã tăng lên là 1.78 bị cáo/ 1 vụ án. Còn số bị cáo đ- a ra xét xử từ năm 2007 đến 2010 giao động từ 1.67 bị cáo/1 vụ án tùy từng năm thì đến năm 2011 tăng lên là 1.71 bị cáo/ 1 vụ án. Với mức bình quân nh- trên thì cho thấy trong một vụ án có gần 02 bị cáo và nh- thế là tỷ lệ đồng phạm trong vụ án là t- ơng đối phổ biến.

Thứ t- , việc áp dụng chế định miễn chấp hành hình phạt không đều qua các năm, tỷ lệ ng- ời đ- ợc miễn chấp hành hình phạt cao nhất là vào năm 2011 và năm 2009 và thấp nhất là vào năm 2010 và năm 2007 (năm 2010 ng- ời đ- ợc miễn chấp hành hình phạt chỉ gần bằng 1/3 số l- ợng ng- ời đ- ợc miễn chấp hành hình phạt vào năm 2011. Cả hai năm 2007 và năm 2010 số l- ợng ng- ời đ- ợc miễn chấp hành hình phạt cũng không bằng năm 2011). So sánh tỷ lệ ng- ời đ- ợc miễn chấp hành hình phạt với số l- ợng bị cáo đ- a ra xét xử có thể thấy tỷ lệ ng- ời đ- ợc miễn chấp hành hình phạt hiện nay (không kể tr- ờng hợp đặc xá) là quá thấp so với số l- ợng bị cáo đ- ợc đ- a ra xét xử: năm 2007 chỉ chiếm khoảng 0.041%; năm 2008 là 0.042%; năm 2009 là 0.075%; năm 2010 là 0.033%; năm 2011 là 0.086%. Cũng t- ơng ứng với số l- ợng bị cáo đ- a ra xét xử, tỷ lệ

phần trăm ng- ời đ- ợc miễn chấp hành hình phạt năm 2011 cũng là cao nhất và thấp nhất cũng là năm 2009.

Thứ năm, tỷ lệ ng- ời đ- ợc miễn chấp hành hình phạt hiện nay chủ yếu là do đ- ợc đặc xá. Số l- ợng ng- ời đ- ợc h- ởng chế định nhân đạo của Nhà n- ớc bằng chính sách đặc xá chiếm số l- ợng lớn. Trong 05 năm từ năm 2007 đến năm 2011 cả n- ớc có 56.589 bị cáo đ- ợc đặc xá trong khi đó cả n- ớc có 476.920 bị cáo bị đ- a ra xét xử (chiếm khoảng 11.9%).

Thứ sáu, tỷ lệ bị cáo đ- ợc miễn chấp hành hình phạt của Tòa án quân sự và quân khu chiếm tỷ lệ không đáng kể, chỉ có năm 2008 và 2010 là có bị cáo đ- ợc miễn chấp hành hình phạt nh- ng mỗi năm cũng chỉ có 1 bị cáo, còn năm 2007, 2009 và 2011 Tòa án quân sự và quân khu không miễn chấp hành hình phạt cho bất cứ bị cáo nào. Tỷ lệ miễn chấp hành hình phạt chủ yếu tập trung vào Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Nguyên nhân của những kết quả đạt đ□ợc

Một là, việc hoàn thiện pháp luật hình sự nói chung và các biện pháp tha miễn trong luật hình sự nói riêng đ- ợc Đảng và Nhà n- ớc quan tâm thích đáng.

Hai là, tổ chức của các cơ quan t- pháp ngày càng hoàn thiện.

Ba là, đội ngũ cán bộ t- pháp có sự tr- ởng thành về số l- ợng và chất l- ợng

2.2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Thứ nhất, có sự nhận thức không thống nhất về các quy định của pháp luật hình sự trong thực tiễn áp dụng đối với chế định miễn chấp hành hình phạt.

Thứ hai, việc giám sát, giáo dục ng- ời phạm tội ch- a chấp hành hình phạt cũng ch- a đ- ợc quan tâm thích đáng. Trên thực tế, việc cải tạo, giáo dục ng- ời phạm tội chủ yếu tập trung ở những trại giam nơi những ng- ời phạm tội đang đi chấp hành hình phạt tù. Đối với những ng- ời phạm tội ch- a chấp hành hình phạt, việc cải tạo, giáo dục ở địa ph- ơng còn nhiều hạn chế gần nh- ch- a có một quy định cụ thể nào h- ớng dẫn về tr- ờng hợp này.

Thứ ba, công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và giáo dục ng- ời phạm tội ch- a t- ơng xứng với thành tựu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh trong khi tiềm lực đầu t- cho công tác này đ- ợc chú trọng hơn tr- ớc, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật hình sự còn hạn chế nên tình hình tội phạm còn diễn biến phức tạp, có chiều h- ớng gia tăng; tính chất, mức độ phạm tội ngày càng tinh vi, thủ đoạn ngày càng xảo quyệt. Ngay cả những ng- ời phạm tội cũng không hiểu hết về những chế định nhân đạo mà nhà n- ớc áp dụng đối với họ để khuyến khích họ cải tạo tốt để h- ởng chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà n- ớc.

Ch□ơng 3

NHỮNG PH□ƠNG H□ỚNG CƠ BẢN VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ MIỄN CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT

3.1. Những ph□ơng h□ớng cơ bản

Thứ nhất, trên ph- ơng diện thực tiễn, việc áp dụng chế định miễn chấp hành hình phạt trên thực tế diễn ra th- ờng xuyên và phổ biến, tuy nhiên có nhiều tr- ờng hợp các cơ quan tiến hành tố tụng còn áp dụng chế định này không đúng với quy định của pháp luật, áp dụng tùy tiện và đôi khi còn tạo kẽ hở cho việc lợi dụng chức vụ quyền hạn của các cán bộ thi hành pháp luật để h- ởng lợi…Điều đó dẫn đến yêu cầu phải kịp thời khắc phục về mặt thực tiễn thi hành.

Thứ hai, trên ph- ơng diện lý luận cần hoàn thiện các quy định về chế định này nhằm làm sáng tỏ chính sách về xử lý ng- ời phạm tội của Nhà n- ớc ta, thể hiện đ- ợc quan điểm của Đảng và Nhà n- ớc là xử lý nghiêm ng- ời phạm tội đồng thời cũng tạo điều kiện để họ cải tạo, giáo dục và hòa nhập với cộng đồng. Ngoài ra, việc hoàn thiện chế định này không chỉ giúp các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng đúng pháp luật mà còn

giúp cho những cán bộ nghiên cứu khoa học có nhận thức đúng đắn và ngày càng phát triển chế định nhân đạo của Đảng và Nhà n- ớc ta.

3.1.1. Thực hiện nghiêm chỉnh chính sách hình sự của Đảng và Nhà n□ớc

Ngay từ khi mới thành lập, Đảng cộng sản đã thể hiện vai trò lãnh đạo mọi hoạt động của Nhà n- ớc và xã hội. Trải qua nhiều thời kỳ khác nhau, vai trò của Đảng ngày càng quan trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống. D- ới sự lãnh đạo đó quyền làm chủ của nhân dân đ- ợc phát huy cao độ. Đối với lĩnh vực hình sự nói riêng, d- ới sự lãnh đạo của Đảng các nhà làm luật xác định rõ đ- ờng lối, chính sách trong công cuộc đấu tranh, phòng chống tội phạm. Không có sự lãnh đạo của Đảng thì không có quyền làm chủ của nhân dân theo đúng nghĩa. Đảng thể hiện sự lãnh đạo thông qua những chủ tr- ơng, đ- ờng lối chính sách hình sự trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Sự lãnh đạo của Đảng đối với các chính sách hình sự nói chung không chỉ là răn đe, phòng ngừa, nghiêm trị ng- ời phạm tội mà còn thể hiện tính nhân đạo đối với ng- ời phạm tội. Cũng tại Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về "Chiến l- ợc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định h- ớng đến năm 2020" đã đ- a ra quan điểm chỉ đạo của Đảng trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật *"Thể chế hóa kịp thời, đầy đủ, đúng đắn đ- ờng lối của Đảng…xây dựng Nhà n- ớc pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân…"*. Có thể nói quan điểm chỉ đạo của Đảng đã đi vào chi tiết tới từng quan hệ pháp luật cụ thể. Do đó, từ sự chỉ đạo của Đảng trong việc thực hiện xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, các quy định của pháp luật về miễn chấp hành hình phạt nói riêng cũng cần phải có sự nhận thức đúng đắn và áp dụng nghiêm chỉnh của các cơ quan tiến hành tố tụng. Sau đó cần có sự nghiên cứu, phối hợp giữa thực tiễn với khoa học để ngày càng hoàn thiện chế định trên, ngày càng thể hiện một cách chính xác và hoàn thiện các quan điểm của Đảng trong công tác giáo dục, cải tạo ng- ời phạm tội. Vì vậy, việc đổi mới và hoàn thiện các quy định về miễn chấp hành hình

phạt trong pháp luật hình sự Việt Nam để ngày càng phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở n- ớc ta là điều cần thiết.

3.1.2. Thể hiện sự phân hóa trong xử lý tội phạm và ng□ời phạm tội

Luật hình sự Việt Nam từ năm 1985 đến khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 thể hiện trình độ lập pháp cao hơn của các nhà làm luật n- ớc ta so với các thời kỳ tr- ớc đây. Thể hiện ở việc phân hóa rõ nét trong việc xử lý tội phạm và ng- ời phạm tội. Sự phân hóa đ- ợc thể hiện ở nguyên tắc xử lý ng- ời phạm tội đ- ợc quy định tại Điều 3 Bộ luật hình sự năm 1999 và các quy định về việc lần đầu tiên ghi nhận khái niệm tội phạm đã tạo cơ sở pháp lý cho việc phân biệt tội phạm với những hành vi nguy hiểm cho xã hội khác mà không phải tội phạm hay quy định cơ sở của trách nhiệm hình sự tại Điều 2 Bộ luật hình sự năm 1985, nhà làm luật n- ớc ta chính thức tuyên bố từ bỏ nguyên tắc t- ơng tự trong Luật hình sự tạo cơ sở để giải quyết tốt khía cạnh bình đẳng về trách nhiệm hình sự.

3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về miễn chấp hành hình phạt

3.2.1. Hoàn thiện Bộ luật hình sự

Thứ nhất, bổ sung thêm tr- ờng hợp miễn chấp hành hình phạt tù cho những ng- ời bị kết án về tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng và tội đặc biệt nghiêm trọng đã đ- ợc tạm hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù mà thời hạn hoãn hoặc tạm đình chỉ đã quá thời hiệu thi hành bản án.

Thứ hai, trên thực tế tr- ờng hợp miễn chấp hành hình phạt tiền cũng t- ơng đối phổ biến, vì vậy để đảm bảo sự đồng bộ trong việc thực hiện chế định miễn chấp hành hình phạt thì cần bổ sung thêm tr- ờng hợp miễn chấp hành hình phạt tiền vào trong nội dung của Điều 57 Bộ luật hình sự. Cụ thể bỏ biện pháp miễn chấp hành hình phạt tiền tại khoản 2 Điều 58 mà bổ sung thêm vào Điều 57 Bộ luật hình sự khoản 5:

Khoản 5. Ng- ời bị kết án phạt tiền đã tích cực chấp hành đ- ợc một phần hình phạt nh- ng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra mà không thể

tiếp tục chấp hành đ- ợc phần hình phạt còn lại hoặc lập công lớn, thì theo đề nghị của Viện tr- ởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn việc chấp hành phần tiền phạt còn lại.

Ngoài ra trong hệ thống hình phạt bổ sung còn có các hình phạt nh- : Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; T- ớc một số quyền công dân mà những hình phạt này ch- a đ- ợc quy định để đ- ợc miễn chấp hành hình phạt tù theo Điều 57 Bộ luật hình sự. Vì vậy, nên bổ sung thêm vào Điều 57 nh- sau:

Khoản 6. Ng- ời bị phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc t- ớc một số quyền công dân, nếu đã chấp hành đ- ợc 1/2 thời hạn hình phạt và cải tạo tốt thì theo đề nghị của cơ quan, tổ chức nơi ng- ời đó chấp hành hình phạt, Tòa án có thể quyết định miễn việc chấp hành phần hình phạt còn lại.

Thứ ba, hoàn thiện các quy định của pháp luật về thủ tục và thẩm quyền xét miễn chấp hành hình phạt

Một là, theo quy định hiện hành thì ng- ời ch- a chấp hành hình phạt có đủ điều kiện để miễn chấp hành hình phạt thì gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát cấp tỉnh hoặc Viện kiểm sát quân sự, còn hồ sơ đề nghị xét miễn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc miễn chấp hành toàn bộ hoặc phần hình phạt tù còn lại, miễn chấp hành hình phạt tiền còn lại thì phải có đề nghị của Viện tr- ởng Viện kiểm sát cùng cấp mà không quy định tr- ờng hợp hồ sơ miễn chấp hành hình phạt cấm c- trú hoặc quản chế theo quy định tại khoản 5 Điều 57 Bộ luật hình sự. Theo đó nên quy định về thủ tục miễn chấp hành hình phạt đối với tr- ờng hợp này nh- sau: *Hồ sơ đề nghị xét miễn chấp hành hình phạt cấm c- trú hoặc quản chế phải có đề nghị của Viện tr- ởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.*

Hai là, trong các văn bản h- ớng dẫn về thủ tục xét miễn chấp hành hình phạt chỉ quy định về thủ tục và thời hạn xét miễn chấp hành hình phạt mà không quy định về thành phần tham dự hội đồng xét miễn chấp hành hình phạt gồm bao nhiêu thẩm phán, Kiểm sát viên hay th- ký.

Thứ t-, trên thực tế, chế định miễn chấp hành hình phạt cũng mới chỉ đ- ợc quy định trực tiếp hoặc gián tiếp tại một số điều luật riêng lẻ, ch- a đ- ợc ghi nhận tại một ch- ơng riêng nh- các chế định khác về tội phạm, hình phạt; v.v... Điều đó chứng tỏ miễn chấp hành hình phạt vẫn ch- a đ- ợc các nhà lập pháp coi trọng đúng mức và ch- a nhận thức đ- ợc đầy đủ tầm quan trọng lớn lao của chế định này và nhu cầu cần quy định cụ thể, toàn diện tại một ch- ơng riêng trong Bộ luật hình sự. Nh- vậy mới đáp ứng yêu cầu đổi mới của đất n- ớc và ngày càng hoàn thiện chế định nhân đạo của pháp luật Việt Nam.

3.2.2. Các giải pháp khác

Thứ nhất, tăng c- ờng h- ớng dẫn, giải thích những quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung về chế định miễn chấp hành hình phạt.

Một là, tăng c- ờng vai trò của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an trong việc h- ớng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật hình sự trong đó có chế định miễn chấp hành hình phạt;

Hai là, nâng cao tính chủ động trong phát hiện, tham m- u, đề xuất của các cơ quan bảo vệ pháp luật, những cán bộ làm công tác thực tiễn đối với những v- ớng mắc, bất cập nảy sinh từ thực tiễn áp dụng chế định miễn chấp hành hình phạt;

Ba là, nội dung h- ớng dẫn, giải thích cần tập trung vào các vấn đề có liên quan đến hoàn thiện pháp luật về chế định miễn chấp hành hình phạt, đ- a ra các giải pháp xử lý cho các vấn đề mới phát sinh, các vấn đề ch- a đ- ợc quy định rõ hoặc những vấn đề còn có nhiều ý kiến đang tranh luận.

Thứ hai, nâng cao trình độ nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị và đạo đức nghề nghiệp của những ng- ời có thẩm quyền trong việc quyết định áp dụng chế định miễn chấp hành hình phạt

Một là, các cán bộ làm công tác bảo vệ pháp luật phải nắm vững chủ tr- ơng, đ- ờng lối, chính sách và pháp luật để vận dụng sáng tạo, linh hoạt quy định của pháp luật, bảo đảm kết hợp hài hòa các yêu cầu về chính trị, pháp luật và nghĩa vụ.

Hai là, làm tốt công tác quy hoạch, tuyển dụng, bố trí và sử dụng đội ngũ cán bộ đảm bảo đủ về số l- ợng, chú trọng chất l- ợng nguồn nhân lực, tăng c- ờng đào tạo, bồi d- ỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch, vững mạnh, có quan điểm đúng đắn, th- ợng tôn pháp luật, lấy pháp luật làm nền tảng, tuân thủ công lý, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, nâng cao chất l- ợng về sự tham gia của các cơ quan, tổ chức và gia đình ng- ời đ- ợc miễn chấp hành hình phạt

Gia đình là môi tr- ờng thuận lợi nhất để ng- ời phạm tội cải tạo, giáo dục. Ngoài việc hiểu biết về chế định này để áp dụng chính sách nhân đạo đối với con em gia đình ng- ời phạm tội, gia đình cùng với các cơ quan tổ chức xã hội giúp ng- ời phạm tội đ- ợc miễn chấp hành hình phạt tái hòa nhập với cộng đồng nhằm xóa bỏ khả năng tiếp tục tái phạm tội, giúp họ trở thành ng- ời có ích cho gia đình và xã hội. Việc giáo dục ng- ời phạm tội đ- ợc miễn chấp hành hình phạt từ gia đình đã góp phần làm giảm gánh nặng cho các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Thứ t-, tăng c- ờng công tác truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật hình sự và chế định miễn chấp hành hình phạt

Một là, tăng c- ờng công tác truyền thông, phổ biến chính sách, pháp luật về phòng ngừa, đấu tranh và chống tội phạm nói chung, các chế định nhân đạo của nhà n- ớc trong đó có chế định miễn chấp hành hình phạt nói riêng;

Hai là, đổi mới nội dung, ph- ơng pháp và hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để công tác này đi vào chiều sâu, đến với các tầng lớp nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và miền núi;

Ba là, tăng c- ờng mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật với các cơ quan báo chí, ph- ơng tiện truyền thông trong thông tin, giới thiệu truyền thông về các vụ án và quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

Thứ năm, tăng c- ờng công tác quản lý, giáo dục và cải tạo phạm nhân cũng nh- ng- ời mới ra tù, mãn hạn tù, chống kỳ thị về hành vi phạm tội để ng- ời phạm tội yên tâm làm ăn, trở về cuộc sống l- ơng thiện

Tr- ớc hết, đổi mới nội dung, ph- ơng pháp giáo dục, cải tạo phạm nhân, ng- ời bị kết án, chú trọng trừng trị với giáo dục, đào tạo nghề cho phạm nhân, bên cạnh đó, đổi mới chính sách trong quản lý ng- ời mới ra tù để giúp ng- ời mới ra tù biết ăn năn hối cải, sớm trở về với cộng đồng, đ- ợc tái hòa nhập cộng đồng, không bị cộng đồng phê phán hoặc có hành vi kỳ thị; có giải pháp tạo công ăn việc làm sau khi họ đã mãn hạn tù để ng- ời phạm tội yên tâm làm ăn, không tiếp tục sa ngã vào con đ- ờng phạm tội mới để họ có điều kiện hòa nhập với cộng đồng, trở về cuộc sống l- ơng thiện.

Thứ sáu, tăng c- ờng sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực miễn chấp hành hình phạt

Một là, cần nghiên cứu, học tập có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp và kinh nghiệm xử lý ng- ời phạm tội của các n- ớc khác..

Hai là, cần tăng c- ờng các đoàn cán bộ nh- những ng- ời đang hoạt động trong lĩnh vực t- pháp, các nhà nghiên cứu khoa học… ra n- ớc ngoài để học tập trao đổi kinh nghiệm về pháp luật nói chung và về chế định miễn chấp hành hình phạt nói riêng để tạo hiệu quả trong việc đổi mới chính sách pháp luật trong n- ớc cho phù hợp với tình hình thực tế.

KẾT LUẬN

1. Chế định miễn chấp hành hình phạt là một chế định độc lập đ- ợc quy định trong Bộ luật hình sự. Đây là một trong những chế định nhân đạo của luật hình sự Việt Nam đ- ợc thể hiện qua việc hủy bỏ việc chấp hành các biện pháp c- ỡng chế về hình sự đối với quyết định đã có hiệu lực của Tòa án đ- ợc áp dụng đối với ng- ời thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

2. Qua nghiên cứu lịch sử lập pháp hình sự, chế định miễn chấp hành hình phạt đ- ợc áp dụng từ rất sớm, ngay từ khi ch- a ban hành bộ luật hình sự, chế định này ngày càng đ- ợc quy định chi tiết và cụ thể hơn. Đặc biệt, Bộ luật hình sự năm 1999 đã dành riêng một điều độc lập để quy định về tội phạm này đã tạo cơ sở pháp lý cho công tác xử lý tội phạm và đ- ờng lối xử lý về hình sự của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

3. Mặc dù đã đạt đ- ợc những thành tựu nhất định, pháp luật hình sự quy định về chế định này vẫn còn một số hạn chế, thiếu quy định chi tiết dẫn đến những nhận thức, cách hiểu không thống nhất trong khi áp dụng pháp luật để tiến hành các hoạt động miễn chấp hành hình phạt một cách chính xác; không phải lúc nào các cán bộ làm công tác thực tiễn cũng có thể xác định đúng tất cả các tr- ờng hợp đ- ợc miễn chấp hành hình phạt. Cả trên ph- ơng diện lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật về hình sự đối với chế định miễn chấp hành hình phạt nói riêng và pháp luật hình sự nói chung đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống pháp luật về hình sự để qua đó nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa, chống tội phạm và giáo dục ng- ời phạm tội.

4. Luận văn đã phân tích, đánh giá chế định miễn chấp hành hình phạt, trên cơ sở nghiên cứu này tác giả luận văn mong muốn góp phần làm rõ thêm một số vấn đề lý luận và thực tiễn để hiểu sâu sắc hơn về chế định này. Tuy nhiên, "pháp luật, dù có hoàn thiện đến mấy cũng không thể phản ánh và quy định hết đ- ợc tất cả những hoàn cảnh cụ thể của cuộc sống" (theo GS. TSKH. Đào Trí úc). Vì vậy, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam đặc biệt là hoàn thiện chế định miễn chấp hành hình phạt luôn luôn là những đòi hỏi cần thiết nhất, bức bách nhất. Do đó, trong luận văn này, tác giả đ- a ra những kiến giải lập pháp góp phần vào việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về chế định này.